

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 31/2024/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn; gồm người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Chị Nguyễn Thị Huyền T - Sinh năm: 1994.

2. Anh Lê Thiệu H - Sinh năm: 1992.

Cùng nơi cư trú: SN A, tổ C, phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 05 tháng 11 năm 2024, các đương sự đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ việc dân sự, nội dung cụ thể như sau:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Lê Thiệu H kết hôn với nhau vào năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn chúng tôi sinh sống tại SN 15, tổ C, phố B, phường A, thành phố T. Quá trình chung sống hoà thuận hạnh phúc được 02 năm, thì đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng thường xuyên xảy ra va chạm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mặc dù hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thể hoà thuận được. Nay chúng tôi đều xét thấy tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho chúng tôi. Xét việc thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Lê Thiệu H.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Lê Thiệu H thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Huyền Bảo A - Sinh ngày 04/11/2018.

Ly hôn hai bên thoả thuận về việc nuôi và cấp dưỡng tiền nuôi con chung như sau: Giao cháu Lê Huyền Bảo A cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lê Thiệu H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2024 cho đến khi cháu Bảo A thành niên.

[3] Về tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Lê Thiệu H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh, chị thoả thuận chị T chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Lê Thiệu H thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Lê Thiệu H có 01 con chung là cháu Lê Huyền Bảo A - Sinh ngày 04/11/2018.

Ly hôn hai bên thoả thuận về việc nuôi và cấp dưỡng tiền nuôi con chung như sau: Giao cháu Lê Huyền Bảo A cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lê Thiệu H tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 11/2024 cho đến khi cháu Bảo A thành niên.

Anh H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung, không ai được ngăn cấm.

- Về tài sản và công nợ chung: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Lê Thiệu H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nguyễn Thị Huyền T chịu 300.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số BLTU/24/0001753 ngày 16/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (chị T đã nộp đủ lệ phí).

*Quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7B và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- UBND xã Yên Mỹ, huyện Nông Cống;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Lan Anh**